

Số: 20/QĐ-ĐHSPKTVL-ĐT

Vĩnh Long, ngày 19 tháng 3 năm 2014

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công nhận tốt nghiệp Cao đẳng chính quy đợt 1 năm 2014

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬT VĨNH LONG

Căn cứ Quyết định số 1785/2013/QĐ-BLĐTBXH ngày 21/11/2013 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh & Xã hội về việc qui định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vĩnh Long;

Căn cứ Quy chế kèm theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT, ngày 15/8/2007 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về Đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ;

Căn cứ thông tư 57/2012/TT-BGDĐT, ngày 27 tháng 12 năm 2012 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ;

Căn cứ Quy chế kèm theo Quyết định số 25/2006/QĐ-BGDĐT, ngày 26/6/2006 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về Đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy;

Căn cứ Quy định kèm theo Quyết định số 1319/QĐ-CĐSPKTVL-ĐT, ngày 25/9/2010 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Sư phạm Kỹ thuật Vĩnh Long về Đào tạo Cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ;

Căn cứ kết quả học tập, rèn luyện toàn khóa học của sinh viên khóa 35CĐSPKT và kết quả học tập, rèn luyện toàn khóa học của sinh viên các khóa trước đủ điều kiện xét tốt nghiệp đợt 1 năm 2014;

Căn cứ biên bản của Hội đồng xét tốt nghiệp Cao đẳng Sư phạm Kỹ thuật đợt 1 năm 2014, họp ngày 18/3/2014.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay công nhận 116 sinh viên (bao gồm 103 sinh viên khóa 35 CĐSPKT và 13 sinh viên các khóa trước) tốt nghiệp CAO ĐẲNG hệ chính quy (có danh sách kèm theo), gồm các ngành:

TT	Ngành	Số sv	Xuất sắc	Giỏi	Khá	TB. khá	Trung bình
1	Công nghệ kỹ thuật ô tô	1	0	0	1	0	0
2	Công nghệ chế tạo máy	5	0	0	1	0	4
3	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	42	0	0	18	0	24
4	Công nghệ thông tin	47	2	2	17	0	26
5	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	8	0	2	6	0	0
6	Các khóa trước	13	0	0	0	12	1
Tổng		116	2	4	43	12	55

Điều 2. Các Ông (Bà) trưởng các Phòng, Khoa liên quan và những sinh viên có tên trong danh sách kèm theo ở điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Bộ GD&ĐT (để báo cáo);
- Như điều 2;
- Lưu: P.ĐT.

HIỆU TRƯỞNG



TS. Cao Hùng Phi

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP CAO ĐẲNG CHÍNH QUY

ĐỢT 1 NĂM 2014

(kèm theo quyết định số 20/QĐ-ĐHSPKTVL-ĐT ngày 19/3/2014)

TT	MÃ SV	Họ tên	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTBCTích lũy	Hạng tốt nghiệp	Ngành
A. TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG SƯ PHẠM KỸ THUẬT							
I. KHÓA 35 CĐSPKT							
1	10104005	Đinh Thanh Bình	20/4/1990	Trà Vinh	2.25	Trung bình	Công nghệ thông tin
2	10104006	Bùi Thị Yến Chi	11/9/1991	Long An	2.34	Trung bình	Công nghệ thông tin
3	10104007	Dương Thị Cẩm Chúc	29/8/1992	Vĩnh Long	2.30	Trung bình	Công nghệ thông tin
4	10104008	Cao Hữu Danh	21/12/1992	Vĩnh Long	2.24	Trung bình	Công nghệ thông tin
5	10104009	Nguyễn Thành Duy	22/9/1991	Vĩnh Long	2.50	Khá	Công nghệ thông tin
6	10104010	Ngô Hồng Duyên	07/3/1992	Vĩnh Long	2.90	Khá	Công nghệ thông tin
7	10104011	Trần Hồ Đông	24/3/1992	Đồng Tháp	2.26	Trung bình	Công nghệ thông tin
8	10104012	Trần Linh Giang	27/7/1992	Vĩnh Long	2.23	Trung bình	Công nghệ thông tin
9	10104016	Nguyễn Thị Thanh Huyền	02/11/1992	Vĩnh Long	2.02	Trung bình	Công nghệ thông tin
10	10104017	Thái Hưng	03/4/1992	Cửu Long	2.83	Khá	Công nghệ thông tin
11	10104020	Nguyễn Thị Hồng Khen	06/3/1992	Trà Vinh	2.86	Khá	Công nghệ thông tin
12	10104021	Biện Công Khoa	08/11/1992	Vĩnh Long	2.95	Khá	Công nghệ thông tin
13	10104023	Nguyễn Thị Xuân Nguyên	27/01/1991	Vĩnh Long	2.16	Trung bình	Công nghệ thông tin
14	10104024	Nguyễn Thị Hạnh Nguyên	15/12/1991	Trà Vinh	2.16	Trung bình	Công nghệ thông tin
15	10104026	Dương Thành Nhân	22/12/1992	Vĩnh Long	3.07	Khá	Công nghệ thông tin
16	10104027	Trần Trung Nhân	09/9/1991	Cửu Long	2.09	Trung bình	Công nghệ thông tin
17	10104028	Đặng Huỳnh Như	10/9/1992	Vĩnh Long	2.13	Trung bình	Công nghệ thông tin
18	10104029	Bùi Tấn Phát	15/12/1992	Vĩnh Long	2.09	Trung bình	Công nghệ thông tin
19	10104030	Nguyễn Hoàng Phát	19/9/1992	Trà Vinh	2.37	Trung bình	Công nghệ thông tin
20	10104031	Nguyễn Hồng Lan Diễm Phi	05/12/1992	Vĩnh Long	3.87	Xuất sắc	Công nghệ thông tin
21	10104032	Nguyễn Phong Phú	16/3/1992	Cửu Long	3.35	Giỏi	Công nghệ thông tin
22	10104033	Trần Bình Phương	16/6/1992	Kiên Giang	2.59	Khá	Công nghệ thông tin
23	10104035	Trần Thanh Quý	22/11/1991	Vĩnh Long	2.21	Trung bình	Công nghệ thông tin
24	10104036	Trần Bảo Quốc	24/5/1991	Cửu Long	2.58	Khá	Công nghệ thông tin
25	10104037	Lê Thị Quyên	11/11/1991	Bến Tre	3.17	Khá	Công nghệ thông tin
26	10104038	Ngô Thị Na Rin	20/8/1991	Vĩnh Long	2.62	Khá	Công nghệ thông tin
27	10104039	Lưu Hoàng Sáu	22/3/1992	Cửu Long	3.46	Giỏi	Công nghệ thông tin
28	10104040	Nguyễn Văn Sung	23/4/1992	Bến Tre	2.56	Khá	Công nghệ thông tin
29	10104041	Lê Tấn Thành	23/11/1992	Vĩnh Long	3.63	Xuất sắc	Công nghệ thông tin
30	10104042	Lưu Thị Phương Thảo	25/4/1992	Trà Vinh	2.57	Khá	Công nghệ thông tin
31	10104043	Lê Trần Anh Thi	03/12/1992	Vĩnh Long	2.28	Trung bình	Công nghệ thông tin
32	10104045	Lâm Như Thùy	10/10/1992	Vĩnh Long	2.00	Trung bình	Công nghệ thông tin
33	10104046	Phạm Anh Thy	17/3/1991	Cửu Long	2.07	Trung bình	Công nghệ thông tin
34	10104048	Nguyễn Phú Tín	15/12/1992	Tiền Giang	2.25	Trung bình	Công nghệ thông tin
35	10104049	Nguyễn Mỹ Trang	01/02/1992	Vĩnh Long	2.45	Trung bình	Công nghệ thông tin
36	10104050	Trần Thị Huyền Trang	02/02/1992	Vĩnh Long	2.67	Khá	Công nghệ thông tin
37	10104051	Nguyễn Thị Bảo Trân	20/11/1992	Vĩnh Long	2.60	Khá	Công nghệ thông tin
38	10104052	Nguyễn Thị Ngọc Trinh	07/9/1992	Vĩnh Long	2.40	Trung bình	Công nghệ thông tin
39	10104053	Trương Minh Trọng	01/3/1992	Cửu Long	2.82	Khá	Công nghệ thông tin

TT	MÃ SV	Họ tên	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTBCTích lũy	Hạng tốt nghiệp	Ngành
40	10104054	Đỗ Thanh Trọng	17/8/1992	Sóc Trăng	2.79	Khá	Công nghệ thông tin
41	10104055	Phạm Xuân Trường	14/10/1992	Kiên Giang	3.05	Khá	Công nghệ thông tin
42	10104058	Nguyễn Trường Vương	11/4/1991	Vĩnh Long	2.09	Trung bình	Công nghệ thông tin
43	10104059	Đoàn Ngọc Yến	01/5/1992	Vĩnh Long	2.33	Trung bình	Công nghệ thông tin
44	10104060	Mai Văn Phụng	19/02/1990	Vĩnh Long	2.16	Trung bình	Công nghệ thông tin
45	10104074	Nguyễn Thế Trung	08/7/1991	Cửu Long	2.10	Trung bình	Công nghệ thông tin
46	10104076	Lê Hoàng Anh Vũ	20/9/1990	Vĩnh Long	2.07	Trung bình	Công nghệ thông tin
47	10104078	Dung Quang Huy	23/6/1991	An Giang	2.28	Trung bình	Công nghệ thông tin
48	10103001	Trần Trung Chánh	05/7/1991	Cửu Long	2.43	Trung bình	CNKT Điện, điện tử
49	10103002	Trần Văn Chiến	13/9/1992	Bến Tre	2.98	Khá	CNKT Điện, điện tử
50	10103003	Lâm Văn Chu	15/11/1991	Bến Tre	2.84	Khá	CNKT Điện, điện tử
51	10103005	Nguyễn Minh Đức	22/8/1992	Vĩnh Long	2.47	Trung bình	CNKT Điện, điện tử
52	10103007	Đỗ Văn Giang	10/01/1991	An Giang	2.63	Khá	CNKT Điện, điện tử
53	10103008	Phan Trương Đăng Khoa	29/4/1992	Đồng Tháp	2.39	Trung bình	CNKT Điện, điện tử
54	10103009	Phạm Tam Long	21/8/1992	An Giang	2.45	Trung bình	CNKT Điện, điện tử
55	10103010	Bùi Minh Luân	01/01/1991	Cửu Long	2.53	Khá	CNKT Điện, điện tử
56	10103011	Bùi Minh Lý	21/10/1992	Vĩnh Long	2.46	Trung bình	CNKT Điện, điện tử
57	10103012	Phạm Hoài Nam	02/8/1992	Vĩnh Long	2.80	Khá	CNKT Điện, điện tử
58	10103015	Nguyễn Thành Phước	04/01/1992	Cửu Long	2.16	Trung bình	CNKT Điện, điện tử
59	10103016	Nguyễn Thanh Quân	29/12/1990	Cửu Long	2.65	Khá	CNKT Điện, điện tử
60	10103017	Nguyễn Văn Sang	19/8/1992	Vĩnh Long	2.59	Khá	CNKT Điện, điện tử
61	10103018	Hồ Quang Thái	05/01/1990	Đồng Tháp	2.59	Khá	CNKT Điện, điện tử
62	10103019	Nguyễn Phước Thiện	22/02/1992	Cửu Long	2.65	Khá	CNKT Điện, điện tử
63	10103020	Nguyễn Vinh Thịnh	18/4/1992	Tiền Giang	2.91	Khá	CNKT Điện, điện tử
64	10103022	Lê Quốc Toàn	15/7/1991	Tiền Giang	2.63	Khá	CNKT Điện, điện tử
65	10103023	Nguyễn Thanh Trảng	13/10/1992	Vĩnh Long	2.57	Khá	CNKT Điện, điện tử
66	10103024	Lê Thành Trung	05/5/1992	Vĩnh Long	2.33	Trung bình	CNKT Điện, điện tử
67	10103025	Nguyễn Minh Trung	20/01/1992	Cửu Long	2.33	Trung bình	CNKT Điện, điện tử
68	10103026	Võ Minh Trường	25/10/1992	Vĩnh Long	2.43	Trung bình	CNKT Điện, điện tử
69	10103027	Đoàn Minh Trường	01/01/1992	Trà Vinh	2.46	Trung bình	CNKT Điện, điện tử
70	10103028	Trần Hoàng Tuấn	03/10/1992	Cà Mau	2.58	Khá	CNKT Điện, điện tử
71	10103029	Phạm Nguyễn Thanh Tú	22/10/1992	Đồng Tháp	2.19	Trung bình	CNKT Điện, điện tử
72	10103030	Đặng Hùng Vĩnh	08/5/1992	Vĩnh Long	2.44	Trung bình	CNKT Điện, điện tử
73	9103111	Phan Văn Thiêm	07/9/1988	Đồng Tháp	2.45	Trung bình	CNKT Điện, điện tử
74	10103032	Ngô Công Cẩn	21/8/1989	Bến Tre	2.25	Trung bình	CNKT Điện, điện tử
75	10103033	Trương Thanh Phong	03/4/1991	Cửu Long	2.20	Trung bình	CNKT Điện, điện tử
76	10106011	Nguyễn Thành Đạt	18/05/1992	Vĩnh Long	2.77	Khá	CNKT Điện, điện tử
77	10106015	Nguyễn Thanh Đức	08/02/1992	Vĩnh Long	2.10	Trung bình	CNKT Điện, điện tử
78	10106016	Nguyễn Văn Đức	08/3/1990	Đồng Tháp	2.26	Trung bình	CNKT Điện, điện tử
79	10106017	Lương Ngân Hà	17/10/1992	Cần Thơ	2.44	Trung bình	CNKT Điện, điện tử
80	10106020	Trần Ngọc Hùng	23/12/1992	Vĩnh Long	2.97	Khá	CNKT Điện, điện tử
81	10106025	Phạm Tiến Lộc	02/10/1992	Vĩnh Long	2.53	Khá	CNKT Điện, điện tử
82	10106030	Nguyễn Văn Nhi	27/11/1990	Bạc Liêu	2.09	Trung bình	CNKT Điện, điện tử
83	10106037	Phạm Trung Tá	07/6/1992	Đồng Tháp	2.14	Trung bình	CNKT Điện, điện tử
84	10106041	Bùi Quốc Thanh	01/11/1992	Vĩnh Long	2.17	Trung bình	CNKT Điện, điện tử

TT	MÃ SV	Họ tên	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTBCTích lũy	Hạng tốt nghiệp	Ngành
85	10106043	Nguyễn Minh Tiến	17/6/1992	Vĩnh Long	2.2	Trung bình	CNKT Điện, điện t
86	10106044	Lê Hữu Tính	12/12/1991	Tiền Giang	2.97	Khá	CNKT Điện, điện t
87	10106047	Dương Lê Trọng	17/05/1992	An Giang	2.05	Trung bình	CNKT Điện, điện t
88	10106052	Lê Minh Tuấn	16/01/1992	Bến Tre	2.73	Khá	CNKT Điện, điện t
89	10106065	Phạm Nhật Thanh	27/7/1991	Vĩnh Long	2.02	Trung bình	CNKT Điện, điện t
90	10112001	Dương Tấn Đạt	16/6/1992	Vĩnh Long	3.36	Giỏi	CNKT Cơ điện tử
91	10112003	Ngô Hoàng Lương	12/7/1992	Bến Tre	3.53	Giỏi	CNKT Cơ điện tử
92	10112004	Nguyễn Trọng Nguyễn	22/12/1992	Vĩnh Long	2.71	Khá	CNKT Cơ điện tử
93	10112005	Lương Xuân Phúc	19/3/1992	Vĩnh Long	2.80	Khá	CNKT Cơ điện tử
94	10112006	Lê Thanh Tài	11/8/1992	Đồng Tháp	2.83	Khá	CNKT Cơ điện tử
95	10112008	Huỳnh Thanh Hữu Tín	16/10/1992	Vĩnh Long	3.18	Khá	CNKT Cơ điện tử
96	10112010	Ngô Minh Trung	27/7/1992	Vĩnh Long	2.55	Khá	CNKT Cơ điện tử
97	10112012	Lương Phúc Vĩnh	04/11/1988	Vĩnh Long	2.73	Khá	CNKT Cơ điện tử
98	10101004	Nguyễn Nhân Hòa	09/5/1992	Bến Tre	2.51	Khá	CNKT Ô tô
99	10102001	Tạ Văn Trường An	17/02/1990	Vĩnh Long	2.29	Trung bình	Công nghệ chế tạo
100	10102008	Nguyễn Công Hiếu	02/9/1991	Vĩnh Long	2.47	Trung bình	Công nghệ chế tạo
101	10102017	Bùi Chí Liêl	25/11/1991	Trà Vinh	2.40	Trung bình	Công nghệ chế tạo
102	10102020	Huỳnh Lê Mẫn	11/11/1992	Đồng Tháp	2.66	Khá	Công nghệ chế tạo
103	10102034	Cù A Til	02/9/1992	Vĩnh Long	2.48	Trung bình	Công nghệ chế tạo
II. KHÓA 32 CĐSPKT							
104		Nguyễn Trung Hiếu	11/8/1989	Vĩnh Long	6.31	Trung bình khá	Kỹ thuật điện
III. KHÓA 33 CĐSPKT							
105		Huỳnh Anh Phụng	15/10/1989	Cửu Long	6.19	Trung bình khá	Cơ khí động lực
IV. KHÓA 34 CĐSPKT							
106		Huỳnh Thanh Trọng	01/01/1988	An Giang	6.53	Trung bình khá	Tin học
107		Trương Văn Kết	04/7/1991	Cửu Long	6.72	Trung bình khá	Kỹ thuật điện
108		Hồ Quang Thái	30/7/1987	Nghệ An	6.42	Trung bình khá	Kỹ thuật điện
109		Lê Trí Tài	26/3/1991	Vĩnh Long	6.33	Trung bình khá	Kỹ thuật điện
110		Lâm Đức Lợi	05/02/1991	Vĩnh Long	6.33	Trung bình khá	Kỹ thuật điện
111		Nguyễn Cao Thanh Phát	27/01/1991	Đồng Tháp	6.40	Trung bình khá	Kỹ thuật điện-điện t
112		Nguyễn Hồ Vũ Linh	11/7/1991	Cửu Long	6.95	Trung bình khá	Kỹ thuật điện-điện t
113		Thân Nhật Hải	18/10/1991	Cửu Long	6.35	Trung bình khá	Cơ khí động lực
114		Nguyễn Sơn Ca	28/9/1991	Vĩnh Long	6.05	Trung bình khá	Cơ khí động lực
B. TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG KỸ THUẬT							
I. KHÓA 31 CĐKT							
115		Võ Trung Thiệt	28/12/198	Kiên Giang	5.71	Trung bình	Tin học
II. KHÓA 34 CĐKT							
116		Nguyễn Minh Hoàng Tiến	25/01/1991	Cửu Long	6.51	Trung bình khá	Tin học

HIỆU TRƯỞNG



TS. Cao Hùng Phi

Số: 144/QĐ-ĐHSPKTVL-ĐT

Vinh Long, ngày 05 tháng 12 năm 2014

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công nhận tốt nghiệp Cao đẳng chính quy đợt 2 năm 2014

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬT VINH LONG

Căn cứ Quyết định số 1785/QĐ-LĐTĐBXH ngày 21/11/2013 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh & Xã hội về việc qui định chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vinh Long;

Căn cứ Quy chế kèm theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT, ngày 15/8/2007 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về Đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ;

Căn cứ thông tư 57/2012/TT-BGDĐT, ngày 27 tháng 12 năm 2012 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ;

Căn cứ Quy chế kèm theo Quyết định số 25/2006/QĐ-BGDĐT, ngày 26/6/2006 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về Đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy;

Căn cứ Quy định kèm theo Quyết định số 26/QĐ-ĐHSPKTVL-ĐT, ngày 31/3/2014 của Hiệu trưởng trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vinh Long về việc ban hành quy định đào tạo Đại học, Cao đẳng theo hệ thống tín chỉ;

Căn cứ kết quả học tập, rèn luyện toàn khóa học của sinh viên các khóa đủ điều kiện xét tốt nghiệp đợt 2 năm 2014;

Căn cứ biên bản của Hội đồng xét tốt nghiệp Cao đẳng đợt 2 năm 2014, họp ngày 04/12/2014.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay công nhận 45 sinh viên (bao gồm 34 sinh viên khóa 36 CĐSPKT và 11 sinh viên các khóa trước) tốt nghiệp CAO ĐẲNG hệ chính quy (có danh sách kèm theo), gồm các ngành:

TT	Ngành	Số sv	Xuất sắc	Giỏi	Khá	TB. khá	Trung bình
1	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	37	0	0	14	1	22
2	Công nghệ chế tạo máy	5	0	0	0	3	2
3	Công nghệ thông tin	3	0	0	0	0	3
Tổng		45	0	0	14	4	27

Điều 2. Các Ông (Bà) trưởng các Phòng, Khoa liên quan và những sinh viên có tên trong danh sách kèm theo ở điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Bộ GD&ĐT (để báo cáo);
- Như điều 2;
- Lưu: P.ĐT.

HIỆU TRƯỞNG



TS. Lao Hùng Phi

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP CAO ĐẲNG ĐỢT 2 NĂM 2014

(Kèm theo quyết định số 144/QĐ-ĐHSPKTVL-ĐT ngày 05/12/2014)

TT	Mã số sv	Họ tên	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTBCTL	Hạng tốt nghiệp	Ghi chú
I. Ngành Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử - Lớp CNKTD 2011							
1	11103002	Nguyễn Văn Bay	23/10/1993	Vĩnh Long	2,45	Trung bình	
2	11103003	Nguyễn Văn Chọn	14/4/1993	Vĩnh Long	2,35	Trung bình	
3	11103004	Lê Huỳnh Bảo Công	12/9/1993	Vĩnh Long	2,80	Khá	
4	11103009	Lê Minh Điền	15/7/1993	Bến Tre	2,03	Trung bình	
5	11103010	Đỗ Văn Điền	16/12/1992	Tiền Giang	2,50	Khá	
6	11103012	Phạm Ngân Giang	02/10/1993	Vĩnh Long	2,85	Khá	
7	11103013	Nguyễn Đông Giàu	09/02/1992	Cửu Long	3,04	Khá	
8	11103015	Trịnh Thanh Hải	25/5/1993	Vĩnh Long	2,32	Trung bình	
9	11103023	Trần Phước Hùng	02/9/1993	Đồng Tháp	2,42	Trung bình	
10	11103024	Phạm Thành Huy	18/11/1993	Vĩnh Long	2,19	Trung bình	
11	11103026	Văn Đăng Khoa	14/4/1993	Vĩnh Long	2,84	Khá	
12	11103027	Nguyễn Anh Khoa	30/4/1993	Vĩnh Long	2,54	Khá	
13	11103028	Lê Minh Ngọc Kiêm	09/01/1993	Vĩnh Long	2,74	Khá	
14	11103033	Mai Phước Lợi	15/12/1993	Đồng Tháp	2,91	Khá	
15	11103034	Nguyễn Kiều Long	15/10/1992	Vĩnh Long	2,57	Khá	
16	11103038	Trần Công Nghiễm	06/9/1993	Vĩnh Long	2,71	Khá	
17	11103040	Phạm Thành Nhân	04/12/1993	Vĩnh Long	2,39	Trung bình	
18	11103042	Trần Thanh Nhật	08/10/1993	Tiền Giang	2,20	Trung bình	
19	11103043	Huỳnh Hữu Phúc	01/11/1993	Vĩnh Long	2,62	Khá	
20	11103044	Lê Quang Anh Phương	16/9/1993	Vĩnh Long	2,02	Trung bình	
21	11103045	Lưu Công Quyền	23/9/1992	Vĩnh Long	2,11	Trung bình	
22	11103051	Nguyễn Hữu Thạch	20/10/1993	Đồng Tháp	2,30	Trung bình	
23	11103055	Phan Hữu Thành	12/4/1993	Vĩnh Long	2,40	Trung bình	
24	11103058	Lê Minh Thanh	17/5/1993	Vĩnh Long	2,26	Trung bình	
25	11103059	Lê Thanh	10/9/1993	Vĩnh Long	2,38	Trung bình	
26	11103060	Thạch Thảo	23/8/1993	Vĩnh Long	2,20	Trung bình	
27	11103062	Lê Văn Thuận	26/7/1993	Vĩnh Long	2,13	Trung bình	
28	11103065	Châu Thương	01/3/1993	Vĩnh Long	2,20	Trung bình	
29	11103067	Trần Hoàng Tiến	30/8/1993	Vĩnh Long	2,67	Khá	



TT	Mã số sv	Họ tên	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTBCTL	Hạng tốt nghiệp	Ghi chú
30	11103070	Lê Thanh Tổng	01/02/1993	Đồng Tháp	2,02	Trung bình	
31	11103072	Thái Hoàng Trắng	20/7/1993	Vĩnh Long	2,52	Khá	
32	11103075	Trần Văn Triều	01/01/1991	Trà Vinh	2,53	Khá	
33	11103079	Đặng Minh Trường	30/5/1992	Vĩnh Long	2,27	Trung bình	
34	11103084	Trần Quốc Xyl	07/02/1992	Vĩnh Long	2,37	Trung bình	
II. Ngành Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử - Lớp CNKTD 2010							
35	10103013	Nguyễn Minh Nhựt	26/02/1992	Cửu Long	2,07	Trung bình	
36	10103021	Ngô Thành Thủ	24/9/1992	Vĩnh Long	2,29	Trung bình	
III. Ngành Công nghệ Kỹ thuật điện - Lớp ĐCN 2009							
37		Nguyễn Khoa Nam	12/9/1990	Vĩnh Long	6,20	Trung bình khá	
IV. Ngành Công nghệ Chế tạo máy - Lớp CNCTM 2010							
38	10102040	Nguyễn Bảo Trung	06/9/1992	Vĩnh Long	2,41	Trung bình	
39	10102035	Lê Trung Tính	16/8/1992	Vĩnh Long	2,30	Trung bình	
V. Ngành Công nghệ Chế tạo máy - Lớp CTM 2008							
40		Nguyễn Mẫn Đạt	09/01/1990	Cửu Long	6,14	Trung bình khá	
VI. Ngành Công nghệ Chế tạo máy - Lớp CTM 2008 KT							
41		Nguyễn Tuấn Hậu	20/02/1989	Đồng Tháp	6,02	Trung bình khá	
VII. Ngành Công nghệ Chế tạo máy - Lớp CTM 2009							
42		Lê Hữu Thiện	24/3/1990	Đồng Tháp	6,41	Trung bình khá	
VIII. Ngành Công nghệ thông tin - Lớp CNTT 2010							
43	10104056	Đặng Thế Vinh	01/11/1992	Kiên Giang	2,04	Trung bình	
44	10104070	Lưu Tấn Tài	09/11/1991	Cửu Long	2,09	Trung bình	
45	10104079	Trần Tứ Lập	15/6/1990	Vĩnh Long	2,10	Trung bình	

HIỆU TRƯỞNG



TS. Lao Hùng Phi